

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2019

*V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Phương

2. Ông Vũ Mạnh C

-Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hùng C, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu B 2, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Hùng C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 02/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã P. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 8/2018, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng anh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh C để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 15/6/2019, bị đơn anh Phạm Hùng C trình bày: Thời điểm kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống như chị T đã trình bày là đúng. Anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí vì vợ chồng về đoàn tụ cũng không thể có được hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Chị T và anh C cùng xác định vợ chồng hai con chung là Phạm Đức C, sinh ngày 08/11/2009 và Phạm Quỳnh C, sinh ngày 94/2/2012. Ly hôn chị T và anh C cùng có quan điểm thống nhất: Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Chi, anh C trực tiếp nuôi cháu Chính, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị T và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký trong việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, khoản 1, 2 Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của UBTVQH 14 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Hùng C.

Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị T và anh C như sau:

Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Quỳnh C, sinh ngày 04/02/2012. Anh Phạm Hùng C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đức C, sinh ngày 08/11/2009. Chị T và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị T và anh C không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị T và anh C, mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh C đều có quan điểm của mình nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh chị là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xin được ly hôn anh Phạm Hùng C thấy rằng:*

Chị T và anh C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 02/3/2009, không vi phạm điều kiện kết hôn, vì vậy đó là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn tới vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Xét thấy, tình cảm anh

chị đã mâu thuẫn trầm trọng và anh chị cùng nhất trí ly hôn là tự nguyện nên công nhận thuận tình ly hôn của anh chị.

[3]. *Về con chung:*

Anh chị có một con chung là Phạm Đức C, sinh ngày 08/11/2009 và Phạm Quỳnh C, sinh ngày 04/02/2012. Anh chị cùng có quan điểm thống nhất: Chị T trực tiếp nuôi cháu C, anh C trực tiếp nuôi cháu C, nên cần công nhận. Anh chị không đề nghị giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung và quyền về tài sản và công sức:* Chị T và anh C không đề nghị giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5]. *Về án phí:*

Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55; khoản 1, 2 Điều 81, 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Hùng C.

2. *Về con chung:*

Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị T và anh C như sau: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Quỳnh C, sinh ngày 04/02/2012. Anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đức C sinh ngày 08/11/2009. Chị T và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:*

Chị T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

008579 ngày 15/5/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cẩm Khê. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Chi cục Thi hành án dân sự
Huyện Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hán Hưởng